

Phương Pháp Truyền Đạt Trong Giáo Dục Phật Giáo Và Môi Trường GDPT

Tâm Minh Vương Thúy Nga

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 13-07-2015

Người thực hiện:

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục lục

- A. NHẬP
- B. TÂM LÝ ĐỐI TƯỢNG
- C. NHỊ ĐỀ
- D. TỬ TẤT ĐÀN
- E. KẾT

---o0o---

A. NHẬP

Mục đích Giáo dục ở nơi nào và lúc nào cũng có mục đích làm thăng hoa cuộc sống, và chủ yếu của giáo dục là truyền đạt cho thế hệ kế thừa; Giáo Dục GDPT cũng không ngoại lệ, qua các trại huấn luyện cũng như qua tu học.

Nếu chỉ là phương pháp truyền đạt thì Đông Tây không khác nhau lắm, nếu chỉ là trong nhà Trường thì các phương pháp giáo dục và truyền đạt hiện

đại cũng gần như nhau; ở đây, chúng ta nhấn mạnh về hai điểm đáng chú ý, đó là Giáo Dục Phật Giáo và môi trường GDPT.

Giáo dục Phật Giáo dạy những điều mà Luận Lý học Tây Phương không có, ví dụ như Chân Đế và Tục Đế, đó là 2 loại chân lý (Sự Thật), Chân lý tương đối (hay Tục Đế) và Chân lý tuyệt đối (hay Chân Đế). Tây phương với Tam đoạn Luận thì chỉ có một chân lý mà thôi; Luận Lý học Phật Giáo cũng có Tam đoạn luận mà còn có Tứ Tất Đản (là 4 tiêu chuẩn để trình bày sự Thật). Giáo dục Phật giáo còn có những phủ định làm sáng vấn đề hay làm cho người nghe không thể nào hiểu lắm được; ví dụ như đức Phật dạy: “trong 49 năm qua, ta chưa hề nói một lời nào” đó không phải là Ngài đã phủ nhận tất cả Kinh điển mà ngài đã nói ra sao? nhưng đó cũng làm cho chúng ta không chấp chặt vào những lời dạy đó để rồi dẫn đến những hiểu lầm tai hại. Sự phủ nhận này cũng tương tự như lời dạy: “Chân lý là mặt trăng, kinh điển là ngón tay chỉ đến mặt trăng, đừng bao giờ làm ngón tay với mặt trăng” v..v..

Một huynh trưởng GDPT khi truyền đạt một bài học cho các em của mình (về Phật Pháp, Hoạt Động Thanh Niên, Việt ngữ...) hay một vấn đề quan trọng giữa một đại hội huynh trưởng hay giữa một cuộc hội thảo... không hoàn toàn giống với một thầy/cô giáo giảng bài cho học trò của mình trên lớp. cũng không giống một nhà sư thuyết pháp cho quần chúng hay một nhà truyền giáo Tây phương đi rao giảng Kinh Thánh v..v..

Vì sao? – xin thưa, vì đối tượng truyền đạt của chúng ta đủ mọi thành phần, mọi trình độ về học vấn, về ngôn ngữ, cả về văn hoá nữa! Ngoài ra người huynh trưởng chúng ta vừa dạy vừa học, có nghĩa là những điều chúng ta dạy các em chúng ta đã thực hành rồi hay là đang thực hành chứ không phải chỉ giảng bài, ghi lên bảng đen là xong đâu! Xa hơn nữa, đối tượng của chúng ta (là các em, là các huynh trưởng tham dự) sau khi nghe vấn đề chúng ta trình bày nhưng không đủ khả năng nhận thức biết vấn đề ấy có thể áp dụng thực tế hay không, chứng tỏ người ấy chưa lãnh hội được vấn đề! Tất nhiên trách nhiệm không hoàn toàn ở người truyền đạt nhưng ít ra cũng 50% thuộc về trách nhiệm của người ấy!!

Do đó, ở đây chúng ta chỉ khảo sát kỹ 3 vấn đề ảnh hưởng đến sự truyền đạt; đó là Tâm Lý Đối Tượng, Nhị Đế và Tứ Tất Đản

---o0o---

B. TÂM LÝ ĐỐI TƯỢNG

Muốn thành công trong việc truyền đạt, theo quan điểm Phật giáo, chúng ta cần phải biết tâm lý đối tượng để có thể lôi cuốn họ vào mục đích của mình:

I. Xác định nội dung:

Nội dung đây là nội dung của tâm lý đối tượng không phải nội dung bài giảng. Sự xác định nội dung của tâm lý đối tượng tùy theo tư cách và vị trí xã hội của người giảng; ví dụ:

một cư sĩ Phật tử giảng Phật Pháp cho quần chúng

một vị xuất gia nói Pháp cho đồng bào Phật tử

một Huynh trưởng GDPT dạy Phật Pháp cho các em

một Huynh trưởng dạy HĐTN cho đoàn sinh

một Huynh trưởng dạy Việt ngữ

v.v.v..

tất cả những trường hợp trên đều là những nội dung khác nhau, đòi hỏi những cách ứng xử khác nhau để thích hợp cũng như để thành công trong việc truyền đạt.

II. Tư chất đạo đức & phong cách tư duy

Phong cách tư duy và ngôn ngữ giúp chúng ta chuyển tải nội dung giáo lý ấy hay vấn đề ấy; phong cách này biểu hiện qua khả năng phân tích và lý luận, biện giải vấn đề một cách thông suốt nhạy bén, sắc sảo (như Na Tiên Tỳ kheo trả lời vua Milanda là một ví dụ). Phong cách này ở đây được gọi chung là 4 vô ngại giải mà trình độ thành tựu khác nhau tùy theo quá trình tu tập, rèn luyện.

Pháp vô ngại giải: đây là khả năng nắm bắt, phán đoán, lãnh hội một cách nhạy bén, vận dụng một cách thông suốt, tự tại các từ ngữ chuyên môn,... của một sự kiện hay một chủ đề giáo lý

Nghĩa vô ngại giải: khả năng thông suốt, nhạy bén đối với nội hàm của các từ ngữ; tất nhiên từ ngữ phải tương xứng với trình độ, tập quán ngôn ngữ, và nhận thức của người nghe

Từ vô ngại giải: thông thạo ngôn ngữ địa phương của thính chúng; nói năng lưu loát truyền cảm và đừng quên sự truyền cảm của tiếng mẹ đẻ là điều đã được chứng minh rất nhiều qua các sáng tác văn học.

Biện vô ngại giải: còn gọi là lạc thuyết hay nhạo thuyết vô ngại giải; đây là khả năng “biện tài vô ngại,” diễn đạt, biện luận khúc chiết rành mạch. Khả năng này do trí tuệ của diễn giả, trình độ tập trung tư tưởng và y cứ trên định tuệ, diễn giả trả lời, đối đáp trôi chảy với những câu hỏi vắn nạn, làm người nghe hứng thú vì hiểu rõ những vấn đề (đây là một biệt tài của tôn giả Phú Lô Na, vị đệ tử thuyết pháp đệ nhất của đức Phật hay của Na Tiên Tỳ kheo trong những câu chuyện đối thoại với vua Milanda làm chúng ta say mê theo dõi). Ngoài ra, người biện tài vô ngại phải có trực giác chính xác và nhạy bén đối với mức độ tiếp thu của thính chúng đối với đề tài được thuyết giảng.

III. Đặt vấn đề và phân tích vấn đề.

Mỗi vấn đề có bản chất lý luận riêng, Xác định được vấn đề thuộc loại nào, chúng ta có thể giúp người nghe có cơ sở lý luận để lãnh hội dễ dàng hơn; có 4 chiều hướng để đặt vấn đề (và phân tích vấn đề):

1. *Nhất hướng:* ví dụ đề tài “Mọi người đều phải chết” vấn đề hiển nhiên, không cần bàn cãi

2. *Phân biệt:* Ví dụ đề tài “Sau khi chết, cái gì đi tái sinh?”: tùy theo tín ngưỡng tôn giáo, câu trả lời khác nhau và cơ sở lý luận là dựa vào giáo lý của tôn giáo ấy

3. *Cật vấn:* ví dụ đề tài “Địa vị con người trong Đạo Phật là cao hay thấp?” không thể trả lời dứt khoát vì phải biết đặt con người trong những tương quan khác nhau (Trời, A Tu La, Súc sanh v..v..)

4. *Xả Trí:* ví dụ đề tài “Thế giới này hữu hạn hay vô hạn” Câu hỏi này vượt quá trí tuệ loài người, cũng có thể là một vấn đề siêu hình hay khoa học... nhưng thấy trước không thể vượt qua được vì không có cơ sở chung (trình độ về khoa học, về tôn giáo, sự khác biệt tín ngưỡng, văn hoá...) cho

nên nếu tranh luận hay lý luận đều không có lối thoát; những vấn đề này phải gác qua một bên! J J!!

Bốn trường hợp trên được coi là bản chất của đề tài / vấn đề được thảo luận. Bản chất ấy có khi khách quan, có khi chủ quan, có nghĩa là một số vấn đề được coi là nhất hướng, cật vấn hay xả trí... còn tùy thuộc nhận thức chủ quan của người nghe cũng như tùy thuộc vào cơ sở tư tưởng và ngôn ngữ đồng hay bất đồng giữa diễn giả và thính chúng. Vì vậy đôi khi để tránh cho buổi thuyết giảng khỏi bị dẫn đến tranh luận không lối thoát, diễn giả cần liên hệ với thính giả để xác định đề tài sẽ được trình bày thuộc trường hợp nào trong 4 trường hợp trên.

IV. Quan sát đối tượng:

Có 4 phương diện để nhận định đối tượng nghe có dễ dàng chấp nhận, lãnh hội những điều diễn giả sẽ nói hay không.

1. *Xứ/phi xứ*: phán đoán các trường hợp: nên làm hay không nên làm; sự việc có thể xảy ra hay không thể xảy ra; vấn đề có kết luận hợp lý hay không hợp lý. Trình độ phán đoán của đối tượng tùy thuộc nhiều yếu tố như tuổi tác, sự phát triển của trí tuệ, học lực, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống và những điều kiện môi trường sinh hoạt nữa...

2. *Thuyết Dụ*: trong khi thuyết giảng. diễn giả hay dùng những giả thuyết, những thí dụ đề minh họa. Thuyết dụ là trình độ liên tưởng, khả năng lãnh hội những thí dụ, những giả thuyết v..v.. được sử dụng. Một ví dụ thông thường như nói “Phật như là sư tử giữa loài người hay tiếng của Phật là tiếng sư tử hống...” thính chúng có trình độ hiểu ngay phạm vi của thí dụ, mà không nhầm lẫn hiểu rằng Phật là một con sư tử! J J!!

3. *Sở tri*: trình độ phán đoán của người nghe đối với vấn đề được trình bày; trình độ cần thiết để người nghe có thể phân biệt được trong những điều mình nghe, cái gì thuộc thế gian, cái gì thuộc xuất thế gian, cái gì thuộc kinh nghiệm người đời, cái gì thuộc sở tri, sở chứng của bậc Thánh...

4. *Đạo tích*: khả năng phán đoán xem vấn đề được trình bày có liên hệ hay không liên hệ với sự tu tập. Mỗi vấn đề đều có khía cạnh áp dụng thực tiễn của nó. Những gì chỉ là lý thuyết suông phải được xem là không có nội dung của chân lý. Một thính giả nếu sau khi nghe xong một vấn đề mà không biết vấn đề ấy có thể áp dụng thực tế hay không thì rõ ràng người ấy chưa lãnh hội được vấn đề. Khả năng này tùy thuộc kinh nghiệm tu tập của

người nghe cho nên người nghe chỉ có thể nắm bắt nhạy bén và thông suốt đề tài nào mình từng hành trí / rèn luyện, chứ không phải tùy thuộc đề tài mình đã nghe nhiều lần

---o0o---

C. NHỊ ĐẾ

Nhị đế là 2 sự thật, 2 chân lý hay “một thực tại 2 cách nhìn” hay như đã nói ở trên là “chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối”.

Còn nhiều cách nói khác, đó là “2 mặt của một vấn đề,” “bản chất và hiện tượng” hay “Tánh và Tướng”, “bản môn” và “tích môn”...

Lấy một ví dụ cho dễ hiểu: khi ta nói đến “nước” với chủ ý nói đến thành phần hoá học (hydro và oxy) của nó, hay về tính ướt của nó thì đó là nói đến bản chất, nhưng nếu ta nói đến “sóng” thì đó là nói về hiện tượng; bản chất thì không thay đổi, hiện tượng thì thay đổi liên miên. Tương tự như vậy, nước đá, nước sôi, hơi nước, sương v.v.. đều cùng một bản chất nước (tánh) nhưng ở dưới những dạng khác nhau (tướng) vì những điều kiện về nhiệt độ, áp suất của môi trường khác nhau...

Ví dụ, khi nói: đức Phật Thích Ca sắp giảng Kinh Pháp Hoa đó là nói về 1 sự kiện lịch sử (“tích môn”), còn khi nói rằng “đức Phật đã giảng Kinh Pháp Hoa trong nhiều đời nhiều kiếp xa xưa,” đó là nói đến “bản môn” (chân lý đã có tự muôn đời)

Đây là nói với Huynh Trưởng còn với đoàn sinh bao giờ chúng ta cũng giới hạn trong những sự kiện lịch sử (tích môn) chứ nếu không, các em sẽ hiểu lầm là mê tín, dị đoan v.v..

---o0o---

D. TỨ TẤT ĐÀN

I. Thế giới tất đàn

II. Vị nhân tất đàn

III. Đối trị tất đàn

IV. Đệ nhất nghĩa tất đàn

Đây là nét đặc sắc của Giáo dục Phật Giáo nói chung hay giáo dục của đức Thế Tôn nói riêng. Trong một thời Pháp của đức Thế Tôn lúc ngài còn tại thế, Ngài thường vận dụng 4 tiêu chuẩn hay 4 nguyên tắc để trình bày một vấn đề (một sự thật, một chân lý...)

Trước hết, Ngài tùy thuận thính chúng, nói những điều thế gian ưa thích, không nói những cái cao siêu, để họ thấy dễ nắm bắt vấn đề, dễ gần gũi với người nói; đó là thế giới tất đàn

Tùy theo căn cơ trình độ, tâm lý, những chủng tử đã huân tập của từng chúng sanh, mà đức Phật thuyết pháp thẳng những vấn đề của họ, sâu hay cạn, cao hay thấp tùy theo đó, làm cho họ phát khởi lòng tin, sự an lạc để nuôi lớn thiện căn v..v.. đó là vị nhân tất đàn.

Tùy theo tâm bệnh của chúng sinh (bệnh tham dục, ngã mạn, si mê, độc ác...) ngài dạy họ về tâm từ, về đức khiêm cung, về Nhân quả, Nhân duyên, Duyên Khởi v..v.. và vô số Pháp dược khác để đối trị, nghĩa là chữa lành bệnh cho họ, làm cho tâm họ được cân bằng và an ổn trở lại, dứt được tà kiến, ác tâm... đó là đối trị tất đàn

Đối với những người có căn cơ cao, đầy đủ trí tuệ, và cơ duyên đã thuận thực, đức Phật mới nói thẳng về Thật tướng của các Pháp cho họ để họ có thể “thực chứng” được chân như, đó là đệ nhất nghĩa tất đàn

Vận dụng Tứ tất Đàn vào công việc giảng dạy đàn em chúng ta cũng vậy, ví dụ bài Quy y Tam Bảo, với các em Oanh Vũ chúng ta chỉ nhắc qua, với ngành Thiếu đã có khác biệt, ví dụ nói chi tiết về 5 Giới, ngành Thanh cao hơn một chút, ví dụ liên hệ 5 Giới với 5 Điều Luật và khi nói với anh chị em huynh trưởng lại nói sâu hơn, về lý qui sự qui, về ý nghĩa của Thanh Văn giới, Bồ tát Giới v..v..

Một ví dụ khác, khi nói về Lịch sử đức Phật Thích Ca, chúng ta đâu có thể nói với các em Oanh Vũ rằng “Ngài là Bồ tát Hộ Minh từ cõi Trời...” (bởi vì nói như vậy các em sẽ hỏi tới, chúng ta không thể trả lời được! J J!!) nhưng với Huynh trưởng chúng ta còn có thể nói “tất cả những sự kiện như đản sanh, xuất gia, thành đạo... đều là thị hiện...” chữ thị hiện các em nhỏ không thể hiểu được; chúng ta còn có thể nói về 10 đạo quân của Ma Vương hay những quyền rũ của chúng mà Thái Tử Tất Đạt Đa (Sidharta) đã chiến thắng v..v..

---o0o---

E. KẾT

Mặc dù chúng ta chú trọng thực hành chứ không quá coi trọng lý thuyết, mặc dù chúng ta chủ trương làm nhiều hơn nói v..v.. nhưng chúng ta cần phải trao truyền lại cho đàn em của chúng ta những kỹ năng chúng ta đã có, và chúng ta cũng phải được anh chị của chúng ta trao truyền lại cho chúng ta... mà việc trao truyền không thể thiếu ngôn ngữ, thiếu chữ viết được! Do vậy mà chúng ta cần có tài liệu, lý thuyết, cần góp nhặt những kiến thức của những người đi trước, và biến những lý thuyết ấy thành hiểu biết của mình, khả năng của mình, đó chính là mục đích tối hậu của sự trao truyền, truyền đạt, truyền nghề v..v..

Người Huynh trưởng ĐST cần phải trang bị cho mình những hiểu biết không chỉ thuộc phạm vi chuyên môn của mình mà còn ở nhiều lãnh vực, bởi vậy, tuy không đứng lớp giảng dạy nhưng vẫn phải nắm nguyên tắc truyền đạt, không dạy Phật Pháp nhưng vẫn phải biết những Trại A Dục, Lộ Uyển, Huyền Trang đã được giảng dạy những nội dung Phật Pháp nào v..v..

Về phương pháp truyền đạt thì không bao giờ cũ nhưng những trợ huẩn cụ cho việc trao truyền, giảng dạy thì luôn luôn mới; ngày xưa chúng ta chỉ có máy quay ronéo, projector, ngày nay đã có computer, máy in, laptop hay rộng rãi hơn là trên Internet, trong các diễn đàn... làm cho những buổi giảng trở nên linh hoạt, sống động, gây chú ý cho người nghe, tạo nhiều thuận lợi cho người nói... Tuy nhiên trong trường hợp phải giảng bài trong rừng, thiếu ánh sáng, không có điện, không thể sử dụng bất cứ loại máy móc nào, nghĩa là ở những nơi thiếu những phương tiện hiện đại, người HTr./GDPT nói chung, người ĐST nói riêng vẫn có thể nói chuyện, giảng bài... được như thường; đó là vì người HTr./GDPT không chỉ biết ghi bài trên giấy mà còn biết ghi trong tâm, trong óc; không chỉ ngồi trên bàn mới học được mà ngồi dưới gốc cây, trên bãi cỏ,... vẫn học được, bằng có là chúng ta vẫn ghi nhận những bản tin, giải những mật thư... trong rừng hay giữa đường, và những câu chuyện lửa tàn, câu chuyện dưới cờ, đâu có ai ghi mà sao vẫn nhớ?

Tuy nhiên, phương pháp nào cũng phải kèm theo nghệ thuật; phương pháp dù có hay bao nhiêu mà truyền đạt không có nghệ thuật, nghĩa là không khéo léo, không biết vận dụng nhuần nhuyễn ngôn ngữ, ý tứ, đề tài thiếu hấp dẫn, thiếu thực tế, lý luận thiếu tính cách thuyết phục, v..v.. thì sự truyền đạt

khó có thể thành công nghĩa là không hữu hiệu, người nghe không thu thập được nhiều.

Do đó, tài liệu chỉ là chữ nghĩa, cách thức mình trình bày, truyền đạt mới là chủ yếu; chúng ta phải thường xuyên tập luyện mới có thể thành công trong vấn đề truyền đạt trọn vẹn nội dung của một đề tài được giao phó.

Tâm Minh Vương Thúy Nga

---o0o---

HẾT